

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TỔNG VĂN TƯ**

2. Ông **NGUYỄN VĂN HÒA**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRƯỜNG AN** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THÀNH THÊM** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **ĐOÀN VĂN L**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **LÊ TOÀN THỦY T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông L, bà T đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 24/3/2023 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn L trình bày:

Ông và bà T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1984, không đăng ký kết hôn. Sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng nhau và đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn bà T.

Con chung có bốn người gồm Đoàn Thị Châu N, sinh ngày 27/02/1985; Đoàn Ngọc T, sinh ngày 01/02/1987; Đoàn Ngọc H, sinh ngày 20/8/1992; Đoàn Thị Thu N, sinh ngày 09/11/1997 hiện đều đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 21/4/2022 và lời khai tại Tòa, bị đơn bà Lê Toàn Thủy T trình bày:

Tôi đồng ý ly hôn với ông L. Con chung có bốn người con như ông L đã trình bày, hiện họ đều đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông L và bà T, cho ông L ly hôn với bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Đoàn Văn L và bà Lê Toàn Thủy T đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của ông L và bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, sau khi cưới ông bà chỉ sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay nên ông L có yêu cầu được ly hôn bà T. Đồng thời, bản thân bà T cũng đồng ý ly hôn với ông L. Mặc dù, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân là năm 1984 thì theo quy định của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 thì trường hợp của ông bà thuộc hôn nhân thực tế. Từ đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông L là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có bốn người gồm Đoàn Thị Châu N, sinh ngày 27/02/1985; Đoàn Ngọc T, sinh ngày 01/02/1987; Đoàn Ngọc H, sinh ngày 20/8/1992; Đoàn Thị Thu N, sinh ngày 09/11/1997 hiện đều đã trưởng thành, lao động được nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[5] *Về án phí:* Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, 87, 89, 95 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đoàn Văn L. Cho ông Đoàn Văn L được ly hôn bà Lê Toàn Thủy T.

Về con chung: Có bốn người gồm Đoàn Thị Châu N, sinh ngày 27/02/1985; Đoàn Ngọc T, sinh ngày 01/02/1987; Đoàn Ngọc H, sinh ngày 20/8/1992; Đoàn Thị Thu N, sinh ngày 09/11/1997 hiện đều đã trưởng thành, lao động được nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0011177 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Ông L và bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tænh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cùi Bẻ;
- Chi cục THADS huyện Cùi Bẻ;
- UBND xã Đ;
- Các ãõng sỡ;
- Lầu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

